

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC ĐỔI MỚI - TỪ LỊCH SỬ SUY NGẪM VỀ HIỆN TẠI

PGS-TPS Phùng Hữu Phú

Đã có những công trình chuyên khảo về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, trong đó các sự kiện, các văn bản đã được khảo tả kỹ càng. Trong bài viết ngắn gọn này, tôi không làm lại những việc đó, mà muốn nhìn lại một cách khái quát những giai đoạn đã qua của Hệ thống chính trị cách mạng nước ta, nhất là giai đoạn 1954-1975, để từ đó phát biểu đôi điều suy nghĩ bước đầu về công cuộc đổi mới hệ thống chính trị của chúng ta hôm nay.

1 - Trước khi bàn về những vấn đề cụ thể, thiết nghĩ cũng cần thống nhất một cách nhìn quá khứ. Từ ngày đổi mới, dường như có xu hướng nhìn nhận các giai đoạn đã qua một cách quá nghiêm khắc ; nhấn mạnh các sai lầm, thiếu sót ; phê phán một chiều những hạn chế, khuyết tật mà không chú ý phân tích đầy đủ hoàn cảnh lịch sử cụ thể, không thấy hết những thành quả vốn có và những yếu tố còn có thể kế thừa. Mấy năm qua, ở khắp nơi, trên mọi diễn đàn, cơ chế tập trung, bao cấp bị lên án không thương tiếc. Đã có mấy ai bình tâm suy nghĩ và nhớ lại một sự thật: chúng ta đánh Mỹ, thắng Mỹ, giữ được độc lập, chủ quyền, giành được non sông một mối chính là bằng cơ chế ấy. Về sau này, chúng ta tuyên bố đoạn tuyệt với cơ chế này, cũng đã mấy ai bình tâm suy xét, thử xem từ trong cơ chế cũ, có còn những yếu tố nào khả dĩ phải "gạn đục khơi trong", cần kế thừa và đổi mới. Phủ định sạch trơn, quay ngoặt 180o từ cực này sang cực khác là căn bệnh xưa nay mắc đã nhiều, và sự đổi cực giản đơn, "thái quá" cũng thường là sự khởi đầu của những sai lầm mới.

Với cách đặt vấn đề như vậy, tôi có hai điều suy nghĩ:

1.1. Hệ thống chính trị cách mạng của chúng ta trong những năm 1954-1975, đã hoàn thành xuất sắc, vẻ vang sứ mệnh lịch sử của nó. Chính nhờ có hệ thống chính trị ấy mà chúng ta đã khai thác, phát huy đến đỉnh cao sức mạnh dân tộc và thời đại để đứng vững được ở tư thế chiến thắng trong một tình thế vô cùng gian nan, sóng gió. Sự thật ấy sẽ không ai và không bao giờ phủ nhận được. Nói như thế, hoàn toàn không có nghĩa là, hệ thống chính trị của chúng ta thời chống Mỹ không có những yếu tố phi lý, những mặt yếu kém, mà những mặt yếu kém đó lại bộc lộ đậm nét ở giai đoạn hậu chiến. Đây cũng là một sự thật, một sự thật dễ hiểu, bởi chẳng có một sự vật nào không chứa đựng trong nó biện chứng của hai mặt tốt-xấu, mạnh-yếu, tiên tiến-lạc hậu. Nhưng ở thời kỳ đó, tốt-mạnh-tiên tiến là yếu tố trội, là nét chính, và vì, là chính, là trội mà hệ thống chính trị cách mạng đã chiến thắng. Còn về sau, khi hoàn cảnh đã thay đổi về cơ bản, chúng

ta không chịu đổi mới kịp thời hệ thống chính trị cho phù hợp với những yêu cầu khách quan mới, để các yếu tố xấu-yếu-lạc hậu phát huy tác dụng, thì đó là lỗi của chúng ta, chứ đâu phải lỗi của bản thân hệ thống chính trị cách mạng!

1.2. Nói về cơ chế cũ, có lẽ chỉ nên nói đó là cơ chế tập trung, bao cấp; sau chiến tranh, cơ chế ấy không phù hợp nữa, chúng ta đã chuyển sang một cơ chế mới: cơ chế hạch toán, kinh doanh; hay nói như cách nói gần đây - cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy tôi đã bớt đi khái niệm "quan liêu" lâu nay được gán cho cơ chế quản lý trước đổi mới. Theo tôi, "quan liêu" từ nó không phải là một cơ chế quản lý, mà đó là một thuộc tính tiêu cực, một tật bệnh gắn liền ở dạng tiềm năng với mọi cơ chế quản lý, của mọi hệ thống chính trị đã có, đang có trong lịch sử nhân loại - một tật bệnh luôn luôn phải phòng ngừa và chữa trị. Nếu quá nhấn mạnh yếu tố quan liêu của cơ chế cũ, dễ dẫn đến ngộ nhận rằng, cứ xóa cơ chế cũ, chuyển sang cơ chế mới là sẽ hết quan liêu. Không phải như vậy, ngay trong cơ chế hạch toán kinh doanh, cơ chế thị trường, nếu không có những biện pháp phòng ngừa tích cực, hiệu quả thì quan liêu dưới những dạng thức, màu sắc mới sẽ còn nặng nề và nguy hại hơn nữa.

2. Nhìn về lịch sử hệ thống chính trị cách mạng ở nước ta những năm 1954 - 1975 có thể thấy rõ một khoảng cách tương đối giữa nhận thức lý luận và sự tồn tại thực tế; sự tác động tích cực, hiệu quả của hoạt động thực tiễn đối với tư duy lý luận, tạo ra sự cân bằng và thống nhất giữa lý luận - thực tiễn. Chính nhờ có sự điều chỉnh này mà hệ thống chính trị cách mạng đã vượt qua nguy cơ sai lầm, ngày càng có sức mạnh, để cuối cùng tạo ra thắng lợi.

Vào những năm 50, 60, trong tư duy lý luận truyền thống của chúng ta (và cũng là tư duy lý luận phổ biến, chính thống của những người cộng sản khắp hành tinh), quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với việc thiết lập nền chuyên chính vô sản. Các Đảng cộng sản lớn, lâu năm, dày dặn kinh nghiệm nghĩ như vậy, nói như vậy, làm như vậy. Là những người đi vào con đường xã hội chủ nghĩa muộn hơn so với những người anh em quốc tế chúng ta, vì chưa có kinh nghiệm và vì nhiều sự ràng buộc khách quan cũng đã nghĩ, đã nói và đã thử làm như vậy, dù rằng, chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội không phải từ, mà là bỏ qua chế độ tư bản; dù rằng, điều kiện kinh tế, tình hình giai cấp, phân hóa giai cấp, và nhất là, bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc của chúng ta khác hẳn với tất cả các nước anh em "cùng hội cùng thuyền". Một thời chúng ta thành tâm suy nghĩ rằng, nhà nước cách mạng được xây dựng sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, một khi hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân sẽ chuyển sang làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản. Từ nhận thức đơn giản đó (cùng với nhiều nhận thức đơn giản khác) chúng ta thay đổi cách đánh giá, cách phân loại giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; đã đẩy nhanh công cuộc cải tạo các thành phần kinh tế được quan niệm là "phủ xã hội chủ nghĩa", đã tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa xã hội với mong muốn sớm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội... Tất cả những việc làm đó đều xuất phát từ ý nguyện tốt đẹp là tạo ra sức mạnh mới về kinh tế, chính trị của giai cấp công nhân; tạo ra một sự chuyển biến về chất của khối liên minh công - nông. Vừa cuối những năm 50, vừa đầu những năm 60, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của cả một dân tộc mới giải phóng đã được khơi dậy, tạo ra những biến đổi cách mạng về đất nước, xã hội, con người ở miền Bắc. Đồng thời, do

Chúng nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội, về chuyên chính vô sản, ngay trong những ngày tháng đó, chúng ta đã mắc một số sai lầm đáng tiếc trong cải tạo, phát triển kinh tế xã hội

Chậm chạp theo dõi sự vận động của thực tiễn cách mạng, trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã có những điều chỉnh, uốn nắn cần thiết. Đến năm 1965, khi chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ lan rộng ra cả nước, Đảng đã chuyển hướng về tư tưởng, tổ chức, về phương hướng phát triển kinh tế ở miền Bắc. Mục tiêu hòa bình, thống nhất đất nước được đặt lên hàng đầu; chống Mỹ cứu nước trở thành nghĩa vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân, toàn bộ hệ thống chính trị cách mạng đều hướng vào việc tập hợp, đoàn kết lực lượng của toàn dân tộc và tranh đấu đến mức cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ quốc tế phục vụ cho mục tiêu cứu nước. Cả dân tộc ra trận, trong đó có cả con em của các gia đình bị qui oan là địa chủ trong cải cách ruộng đất, con em các gia đình tư sản đã cải tạo, những người nông dân đã đem ruộng đất, trâu bò được chia trong cải cách ruộng đất góp vào hợp tác xã và còn chưa quen với việc gọi mới "nông dân tập thể"... Những năm tháng ấy, mọi khái niệm về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản... chỉ còn lại trong các sách vở; còn thực tế, Đảng gắn với dân; Chính phủ, Đoàn thể gắn với Dân, Dân gắn với Dân bởi một nhu cầu thiêng liêng: CỨU NƯỚC; bởi một sợi dây liên kết tự nhiên, tự giác của TINH THẦN DÂN TỘC, CHỦ NGHĨA YẾU NƯỚC vốn đã thấm sâu vào tiềm thức của mọi con người, mọi giai cấp. Và như vậy, sự thật, hệ thống chính trị cách mạng trong thực tiễn tồn tại, hoạt động đã đúng đắn, không giống như là một hệ thống chuyên chính vô sản được hiểu theo lý thuyết. Về thực chất, đó vẫn là một hệ thống chính trị dân chủ, nhân dân, dù cho, đã có những nhà lý luận của chúng ta một thời phân tích nó như một dạng thức đặc thù của chuyên chính vô sản. Tính chất DÂN CHỦ, NHÂN DÂN của hệ thống chính trị cách mạng Việt Nam những năm 1954 - 1975 biểu hiện ở chỗ:

- Hệ thống chính trị đó, trên thực tế, không chỉ là đại diện cho một giai cấp, mà là đại diện cho quyền lợi của đông đảo nhân dân lao động, của toàn dân tộc.

- Mục tiêu, nhiệm vụ lịch sử của hệ thống chính trị đó, trên thực tế, về cơ bản vẫn là những mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng dân tộc, dân chủ, mà cụ thể là: bảo vệ độc lập, tự quyền, thống nhất đất nước; bảo vệ hòa bình, tiến bộ xã hội, chống lại chiến tranh xâm lược và những hành động phi nhân, phi nghĩa của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phản động, ngoan cố nhất. Nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa tuy đã được triển khai, công, suy đến cùng, cũng chủ yếu nhằm phục vụ cho mục tiêu hòa bình, thống nhất đất nước.

- Cơ sở xã hội và sức mạnh của hệ thống chính trị cách mạng không phải là liên minh giai cấp một giai cấp cầm quyền với các giai cấp khác, mà là khối đại đoàn kết của toàn dân tộc dưới ngọn cờ của một chính Đảng chân chính, trung thành và có khả năng đại diện cho quyền lợi dân tộc. Sợi dây liên kết các giai cấp thành một khối vững chắc chưa phải là tư tưởng xã hội chủ nghĩa, mà là ý thức dân tộc và chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã được rèn đúc, nâng cao qua cuộc đấu tranh trường kỳ vì độc lập, tự do.

Có một khoảng cách tương đối giữa nhận thức lý luận và sự tồn tại thực tế của hệ thống chính trị cách mạng trong những năm 1954-1975 - đó là một sự thật lịch sử. Sự

thật ấy phản ánh biện chứng đời sống chính trị - xã hội của đất nước ta, dân tộc ta. Sự thật ấy cũng chứng minh rằng: ở đất nước ta, do những điều kiện kinh tế, địa lý, văn hóa cụ thể, do những yếu tố truyền thống đặc biệt, tình hình các giai cấp, quan hệ giữa các giai cấp, quan hệ - giữa giai cấp với dân tộc... có những đặc điểm khác với các nước cùng định hướng xã hội chủ nghĩa, và do vậy, quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị cũng có những quy luật và đặc trưng riêng. Bài học đổi mới bắt đầu từ sự thật lịch sử này. Bài học đó là: trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, một mặt, phải hiểu chủ trương những nguyên lý chính gốc (không phải phiên bản) của học thuyết; mặt khác ngay cả khi đã hiểu đúng học thuyết, vẫn phải đối chiếu với thực tiễn đất nước phải từ hoàn cảnh cụ thể về kinh tế, chính trị văn hóa, xã hội của đất nước, đặc biệt là những đặc điểm của con người, của dân tộc, của bản sắc văn hóa truyền thống, mà sáng tạo lý luận về hệ thống chính trị Việt Nam. Bất cứ lý luận nào, dù là lý luận khoa học nhất cũng vẫn là nghèo nàn, khô cứng so với đời sống vô cùng phong phú, sinh động của một dân tộc. Và, bất chấp ý muốn chủ quan của chúng ta, hệ thống chính trị, sẽ sớm muộn tự điều chỉnh, tự vận động theo quy luật khách quan. Tôn trọng thực tế khách quan, đi cao công tác tổng kết thực tiễn, luôn luôn tự đổi mới - bài học mà Đảng đã nêu ra - là con đường đúng nhất để tư duy chủ quan phù hợp với quy luật khách quan, tránh những vấp vấp, sai lầm, tổn thất đáng tiếc.

3. Trở lại với cơ chế tập trung, bao cấp vốn được coi là phương thức vận hành của hệ thống chính trị những năm trước đổi mới, tôi thấy cần thiết phải có đôi điều trao đổi.

3.1. Trước hết, phải thấy một sự thật, trong những năm 1954-1975, cơ chế tập trung bao cấp là một cơ chế quản lý thời chiến, một cơ chế thích ứng với đòi hỏi khách quan của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Không thể hình dung được nếu như trong những năm tháng máu lửa đó, Đảng, Nhà nước không có sự tập trung cao độ về quyền lực, về ch huy, về sức người, sức của; không có sự bao cấp cần thiết cho các địa phương, các đơn vị các mặt trận, các lĩnh vực đang phải dồn sức đối phó với chiến tranh thì đất nước sẽ tồn tại như thế nào, chiến thắng bằng cách nào? Guồng máy khổng lồ muốn vận hành hiệu quả trong điều kiện chiến tranh cần phải có một cơ chế tập trung, bao cấp như vậy. Vì điều này, có lẽ không phải bàn luận nhiều.

3.2. Sau khi chiến tranh kết thúc, sai lầm của chúng ta là ở chỗ tiếp tục duy trì quá lâu, thậm chí hoàn chỉnh thêm cơ chế này. Sự tập trung cao độ quyền lực của các cấp ch huy, sự tập trung cao độ tư liệu sản xuất, sức lao động trong các tổ chức kinh tế nhà nước, tập thể, sự can thiệp quá sâu của hệ thống chính trị vào đời sống và các hoạt động kinh tế đã đưa tới sự trì trệ trong mọi hoạt động, đặc biệt trong hoạt động kinh tế - một lĩnh vực đòi hỏi sự chủ động và có những giải pháp hiệu ứng linh động. Sự bao cấp tràn lan, không tính đầy đủ đến hiệu quả kinh tế, đã tạo ra một gánh nặng quá sức chu chuyển của nền kinh tế đất nước vốn đã cạn kiệt sau chiến tranh. Chính sự tồn tại dai dẳng của cơ chế tập trung, bao cấp là điều kiện để bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng nảy sinh, tác oai, tác quái. Và chính cơ chế này - một cơ chế đã hoàn thành tốt đẹp sứ mệnh của nó ở giai đoạn trước, đến lúc này đã trở thành một trong những nguyên nhân chủ yếu đưa đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

3.3. Từ ngày đổi mới, chúng ta đã đúng đắn khi kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp, chuyển sang một cơ chế mới năng động, sáng tạo. Đến đây lại nảy sinh một sa

Đang cần sửa về phương pháp tư tưởng. Trong khi tuyên bố xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp, chúng ta đã sử dụng phương pháp xóa bỏ kiểu cơ học (xóa bỏ = cắt bỏ, vứt bỏ) mà không dùng phương pháp xóa bỏ biện chứng (xóa bỏ = phủ định, có kế thừa chọn lọc).

Xóa cơ chế tập trung có lúc đã được hiểu, được làm theo kiểu buông lỏng, thả nổi, khoán trắng: tùy các địa phương, các đơn vị làm thế nào thì làm, và nguy hại hơn, xóa cơ chế tập trung, có lúc đã được hiểu như là sự đồng nghĩa với việc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Có những tháng năm, các tổ chức Đảng ở cơ sở như bị mất phương hướng hoạt động. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) đã uốn nắn, khắc phục một bước khuynh hướng nguy hiểm này.

Xóa bao cấp được tiến hành đồng loạt, ngay lập tức, thiếu chuẩn bị chu đáo, không có sự phân loại, phân biệt các lĩnh vực, đã làm cho các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể rơi vào tình trạng lúng túng, khó khăn; làm cho các lĩnh vực văn hóa - xã hội (giáo dục, y tế, tuyên truyền, bảo hiểm, phúc lợi...) - những lĩnh vực lẽ ra cần được bao cấp (đúng hơn là đầu tư chiều sâu) lâm vào tình trạng thiếu thốn, xuống cấp. Sự suy thoái về văn hóa, đạo đức có nguy cơ trầm trọng.

3.4. Thực tế cho thấy, trong sự nghiệp đổi mới, đồng thời với việc đề cao tính độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo của các tổ chức chính trị - kinh tế - xã hội; đồng thời với việc thực hiện cơ chế hạch toán, kinh doanh, tính đến hậu quả trong hoạt động, quản lý kinh tế, vẫn cần thiết phải kế thừa những yếu tố hợp lý của cơ chế tập trung, bao cấp. Quả thật, không có một cơ chế nào, hôm qua là hoàn toàn tích cực, đến hôm nay lại trở thành hoàn toàn tiêu cực, hoàn toàn bỏ đi mà không còn lại một chút nào những mặt, những yếu tố có thể tiếp tục sử dụng được.

a) Giữa các thành tố hợp thành hệ thống chính trị (Đảng-Nhà nước - các tổ chức, đoàn thể chính trị quần chúng...), cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ phải được nhận thức và thực hiện một cách khoa học. Một mặt, phải hết sức coi trọng mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội, trong các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt, mở rộng dân chủ trong Đảng để cởi mở, phát huy đến mức cao nhất năng lực sáng tạo, tính chủ động, năng động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay, trở thành độc đoán, chuyên quyền. Không thực hành dân chủ rộng rãi, Đảng sẽ rơi vào trạng thái biệt lập, cô lập, sẽ không còn sức mạnh và cũng sẽ vô hiệu hóa, làm tê liệt toàn bộ hệ thống chính trị - đây là một bài học đau đớn của một số Đảng cộng sản anh em. Mặt khác, cũng cần đặc biệt tôn trọng tính tập trung, thống nhất, coi đó là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Cùng cố, tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo sức mạnh của hệ thống chính trị. Nếu sự lãnh đạo của Đảng bị phân tán, bị giảm sút thì không chỉ riêng Đảng có nguy cơ tan vỡ, mà toàn bộ hệ thống chính trị cũng sẽ bị tan rã. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân quan trọng là sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng cộng sản đã bị vô hiệu hóa.

- Ở đây, cần phải làm rõ một số quan niệm về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và các tổ chức, đoàn thể quần chúng. Không thể quan niệm: giữa Đảng-Nhà nước - các đoàn thể quần chúng có quan hệ phối hợp, mà phải quan niệm rạch ròi: nhà nước,

các đoàn thể quần chúng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, là công cụ tổ chức của Đảng nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc. Cũng cần phân liệt khái niệm "Đảng" với tư cách là một tổ chức tiên tiến, có hệ thống tổ chức thống nhất từ cơ sở đến trung ương, bao gồm hàng nghìn Đảng bộ, chi bộ với gần 2 triệu đảng viên và khái niệm "cấp ủy". Các cấp ủy, dù là cấp ủy cao nhất, cũng không phải là Đảng, mà chỉ là một bộ phận do tổ chức Đảng các cấp bầu ra, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết của tập thể đảng viên. Nói củng cố, tăng cường vai trò, sức mạnh ảnh hưởng của Đảng, là nói đến việc củng cố, tăng cường vai trò của các tổ chức Đảng, mà lại nhân quan trọng nhất là các chi bộ; là tăng cường vai trò, sức mạnh của đội ngũ đảng viên, chứ không phải chủ yếu là nói về vai trò của các cấp ủy. Giữa các cấp ủy với các cấp chính quyền, các ban chấp hành của các đoàn thể tương đương, có quan hệ chỉ đạo và phối hợp. Ở đây lại không nên tách bạch một cách tuyệt đối: hoạt động của cấp ủy là hoạt động của Đảng, hoạt động của cấp chính quyền là hoạt động của Nhà nước, hoạt động của các ban chấp hành là hoạt động của đoàn thể. Về thực chất tất cả các hoạt động đó đều là hoạt động của Đảng, dưới những dạng thức khác nhau, tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Cán bộ phụ trách công tác chính quyền, công tác đoàn thể (dù là đảng viên hay chưa là đảng viên) đều là người của Đảng, thực thi nhiệm vụ của Đảng theo cương vị và trách nhiệm của mình. Hiểu không đúng điều này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng sâu sắc, tranh giành ảnh hưởng, địa vị giữa một số cấp ủy với cấp chính quyền, cấp đoàn thể giữa một số Bí thư cấp ủy với Thủ tướng cơ quan, đơn vị... Đây chính là nguy cơ làm phân tán và suy yếu vai trò, sức mạnh lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, thậm chí nguy hại hơn, dẫn đến sự tách biệt, đối lập giữa tổ chức Đảng với tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

- Nói đến cơ chế lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng cũng cần thiết phải làm rõ quyền lực của Đảng. Có các nhà lý luận cho rằng, Đảng không phải là một tổ chức quyền lực, chỉ có nhà nước mới là cơ quan quyền lực. Hiểu như vậy, thật ra đã vô tình tách rời Đảng với Nhà nước. Cần phải khẳng định, quyền lực của Nhà nước cũng chính là quyền lực của Đảng, song, quyền lực của Đảng không chỉ là quyền lực nhà nước, mà là quyền lực đặc biệt to lớn được tạo ra bằng sức mạnh tổ chức; sức mạnh của cả hệ thống chính trị; sức mạnh của kỷ luật Đảng - một kỷ luật tự giác và cũng là kỷ luật sắt, sức mạnh của hàng triệu đảng viên, của hàng chục triệu quần chúng tin theo Đảng. Đó là một sức mạnh vật chất chứ không chỉ là sức mạnh tinh thần. Nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng mà không nói đến quyền lực vật chất thì chỉ là ảo tưởng. Song, điều cốt lõi là ở chỗ, Đảng không tạo ra quyền lực chủ quan bằng cưỡng chế, bằng áp đặt, mà tạo ra quyền lực bằng sức mạnh của con người, của tổ chức. Khi nào Đảng kết nạp được vào đội ngũ của mình những người ưu tú nhất trong giai cấp, trong dân tộc; thanh trừ khỏi Đảng những phần tử sâu một hại dân, hại Đảng; chăm lo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ, đảng bộ ở cơ sở, ở các địa phương, đưa đảng viên vào các trận địa nóng bỏng, quan trọng bậc nhất trong đời sống kinh tế, xã hội đất nước; chăm lo hiệu quả đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đến sự phồn vinh của quốc gia, dân tộc - thì khi đó Đảng có quyền lực lớn nhất, cao nhất. Mọi quyền lực chỉ có sức mạnh và giá trị khi được sự chấp nhận tự nguyện của dân tộc.

b. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội,

hệ thống chính trị vẫn cần, thậm chí rất cần, phải tiếp tục sử dụng một cách chọn lọc, hợp lý những yếu tố tích cực của cơ chế tập trung, bao cấp. Chấm dứt sự can thiệp quá sâu của Nhà nước vào hoạt động của các cơ sở kinh tế, buộc nền kinh tế phải vận hành theo một kế hoạch máy móc áp đặt... chấm dứt sự bao cấp tràn lan, và vô tội vạ... là rất đúng; song điều đó không trái ngược, thậm chí rất cần thiết, phải thực hiện vai trò quản lý tập trung và sự bao cấp của Nhà nước ở những khâu, những lĩnh vực hợp lý với những phương thức, hình thức phù hợp, hiệu quả. Chấp nhận phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường mà không thực hiện tập trung, hiệu quả chức năng kiểm sát, kiểm tra, điều tiết của Nhà nước, của hệ thống chính trị, thì chắc chắn định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là lời nói suông, và cơ chế thị trường hoang dại sẽ bộc lộ sức tàn phá ghê gớm đối với đời sống kinh tế - xã hội đất nước trước mắt và lâu dài.

Cũng rất cần sự bao cấp (nói theo ngôn từ cũ được hiểu là hình thức chứa một nội dung thực chất: sự đầu tư chiến lược, đầu tư chiều sâu) cho những lĩnh vực, mà hoạt động của nó phản ánh bản chất ưu việt của chế độ xã hội, là động lực không thể tính đếm cụ thể nhưng lại vô cùng to lớn đối với sự phát triển đất nước hôm nay và mai sau, trong đó, có sự đầu tư thích đáng cho việc đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của chính bản thân hệ thống chính trị của chúng ta.